

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC -ST

Ngày 24 tháng 02 năm 2022

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Ông Nguyễn Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 23/2021/TLST-HC ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Đỗ Tất N, sinh năm 1958

- Ông Đỗ Tất N1, sinh năm 1965

Đều có địa chỉ tại: Tổ 3B, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1947

Địa chỉ: Tổ 3B, khu H, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân H – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố V.

2.3 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

(Ông T có mặt; ông N, ông N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H không có đơn nhưng xin xét xử vắng mặt tại bản tự khai; vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2012, UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi 678m² đất nông nghiệp của ông Đỗ Tất N; Quyết định thu hồi đất số: 4770/QĐ-UBND về việc thu hồi 251m² đất nông nghiệp của ông Đỗ Tất N1 để giao Công ty cổ phần tập đoàn V thực hiện dự án khu nhà ở cao cấp V (Ngoài ra UBND thành phố V còn ban hành nhiều quyết định thu hồi đất của nhiều người dân khác, nhưng do không khởi kiện nên không liệt kê cụ thể).

Trong thời gian từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/4/2018, UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Sau khi nhận tiền bồi thường thì ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D (người có đất bị thu hồi) đồng thời nhận ủy quyền của 91 người dân khác (trong đó có ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1), khiếu nại về việc Nhà nước chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 1943/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V (Đợt 12- Tính lãi suất chậm trả). Theo đó, UBND thành phố V đã tính lãi suất chậm trả theo Luật quản lý thuế đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ chậm chi trả cho 66/93 hộ dân có đất thu hồi; thời gian chậm chi trả tiền bồi thường sau 30 ngày kể từ ngày Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D được 91 người dân (trong đó có ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1) ủy quyền khiếu nại đối với Quyết định số: 1943/QĐ-UBND của UBND thành phố V. Lý do: Yêu cầu phải được tính thời gian chậm chi trả tiền bồi thường sau 30 ngày kể từ ngày UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất năm 2012, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 06/5/2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 1220/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D. Ông Sinh, bà Dậu tiếp tục khiếu nại.

Ngày 07/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số: 1272/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông Sinh, bà Đậu, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1220/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V.

[2] Ngày 30/6/2021, ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số: 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Ngày 12/10/2021, ông N và ông N1 bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V về việc thu hồi 678m² đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N.

- Hủy Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V về việc thu hồi 251m² đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N1.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 trình bày lý do yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên tóm tắt như sau:

- Đối với quyết định thu hồi đất số: 4476/QĐ-UBND và Quyết định số 4470/QĐ-UBND: Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì dự án Khu nhà ở cao cấp V không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 61 và 62 Luật Đất đai năm 2013 và cũng không có văn bản của UBND tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Vì vậy phải thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đó là: *“Đối với dự án không đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản này thì UBND cấp có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định thu hồi đất và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan phải dừng thực hiện dự án”*.

- Đối với Quyết định số: 1943/QĐ-UBND: Số tiền thanh toán thêm thể hiện tại Điều 1 của Quyết định trên là không có căn cứ pháp luật (thời gian chậm trả tính từ sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường và các hộ dân kèm theo quyết định này không đủ điều kiện được hưởng quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013). Bởi vì, tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định rõ: *“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.*

2. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền

bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Quyết định 1943/QĐ-UBND xác định thời gian chậm trả được tính bắt đầu từ sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường là không có căn cứ pháp luật.

- Đối với Quyết định số: 1220/QĐ-UBND và Quyết định số 1272/QĐ-UBND: Cả hai Quyết định này đều không có căn cứ đúng quy định tại Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 để chỉ đạo giải quyết khiếu nại của dân về cách xác định thời gian chậm trả để tính toán số tiền mà người có đất thu hồi được thanh toán thêm. Pháp luật đất đai năm 2013 quy định rất rõ về thời điểm tính thời gian chậm trả là sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, chứ không phải là ngày phê duyệt bồi thường. Đây là mấu chốt của vấn đề mà UBND thành phố và UBND tỉnh cố ý ngụy biện để bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư (Tập đoàn V) gây thiệt hại cho người dân. Lập luận của Quyết định 1272/QĐ-UBND rất mâu thuẫn đó là việc nêu 66/93 hộ dân đủ điều kiện để được tính lãi suất chậm trả, vậy điều kiện đó được quy định tại văn bản pháp luật nào? Quyết định 1272/QĐ-UBND viện dẫn về nguyên tắc bồi thường quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP đã hết hiệu lực pháp luật và không thuộc phạm vi điều chỉnh để kết luận phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ được tính toán, phê duyệt theo đơn giá tại thời điểm phê duyệt cao hơn giá đất năm 2012, vì vậy quyền lợi của các hộ dân được đảm bảo là không đúng vì họ phải được hưởng quyền lợi theo Luật Đất đai năm 2013 chứ không phải Luật Đất đai năm 2003.

[3] UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; nội dung lời trình bày được tóm tắt như sau:

Căn cứ pháp lý để lập phương án Bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1 địa chỉ Tổ 3. khu Hoàng Trâm, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để thực hiện dự án:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014; số: 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014; số: 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014, số: 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Thông tư số: 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số: 2991/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 dự án: Khu Nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V.

Căn cứ Quyết định số: 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định cụ thể về một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số: 22/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ xung Quyết định số: 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định cụ thể về một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi Nhà nước thu hồi đất, sửa đổi Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về sửa đổi, bổ xung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản số: 1269/UBND-KTN ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ và Hướng dẫn số: 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017 của Sở TNMT tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số: 4091/QĐ-UBND ngày 15/6/2012, Quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 26/2/2014, Quyết định số: 3784/QĐ-UBND ngày 25/5/2015, Quyết định số: 6389/QĐ-UBND ngày 24/8/2016, Quyết định số: 2733/QĐ-UBND ngày 06/9/018 và Quyết định số: 1086/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc thành lập Hội đồng, kiện toàn Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án;

Căn cứ Quyết định số: 3254/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Ngày 20/06/2012, UBND phường D phối hợp với chủ dự án và các đơn vị liên quan tổ chức quy chủ sử dụng đất, đo vẽ thửa đất bị thu hồi, lập hồ sơ thu hồi đất, xây dựng lịch kê khai, kiểm đếm, thực hiện việc kiểm đếm về đất và tài sản trên đất của gia đình ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1.

Ngày 26/6/2012, ông Đỗ Tất N1 đã được UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4770/QĐ-UBND về việc thu hồi đất Nông nghiệp để giao cho Công ty CP tập đoàn V thực hiện dự án Khu nhà ở cao cấp V.

Ngày 26/6/2012, ông Đỗ Tất N đã được UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4776/QĐ-UBND về việc thu hồi đất Nông nghiệp để giao cho Công ty CP tập đoàn V thực hiện dự án Khu nhà ở cao cấp V.

Tại thời điểm triển khai thực hiện dự án, gia đình ông N, ông N1 tuy đã được UBND Thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Căn cứ Điểm a, Khoản 4, Điều 34, Nghị định số: 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây:

“ Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”.

Căn cứ Điểm a, Khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

“ Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”.

Căn cứ hồ sơ kê khai, kiểm đếm của gia đình ông N, ông N1, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt.

Ngày 30/12/2014, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 13790/QĐ-UBND (đợt 1); ngày 31/12/2015 ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND (đợt 4) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1.

Căn cứ Điều 93, Luật Đất đai 2013 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

2. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Căn cứ các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã đôn đốc chủ dự án thực hiện việc chi trả tiền. Tuy nhiên chủ dự án chưa tổ chức chi trả kinh phí đúng thời gian quy định. Đến ngày 17/03/2016 chi trả (đợt 3), ngày 07/12/2017 chi trả (đợt 8) và ngày 05/6/2018 chi trả (đợt 9) cho hộ ông Đỗ Tất S. Như vậy so với quy định (đợt 3) chậm chi trả 48 ngày, (đợt 8) và (đợt 9) chậm chi trả 19 ngày.

Ngày 16/5/2019, Ban bồi thường GPMB phối hợp với UBND phường D, Chủ dự án mời ông Đỗ Tất S đến làm việc về nội dung đơn đề nghị của ông và đề nghị ông Sinh cung cấp những hồ sơ có liên quan.

Căn cứ hồ sơ của ông Đỗ Tất N và Đỗ Tất N1: Công ty cổ phần tập đoàn V (Chủ dự án) cung cấp, Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án rà soát, đối chiếu với các quy định của Nhà nước và phối hợp với Chi cục thuế Việt Trì lập phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm), trong đó có hộ ông Đỗ Tất N1 và hộ ông Đỗ Tất N trình phòng TN&MT thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt.

Ngày 23/7/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1943/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án: Khu nhà ở cao cấp V, phường D, thành phố V (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm).

Ngày 19/8/2019, Chủ dự án đã tổ chức chi trả tiền cho hộ ông Đỗ Tất N; ông Đỗ Tất N1 và ông N, ông N1 đã nhận đủ tiền theo Quyết định 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND Thành phố phê duyệt.

Như vậy, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã tính đúng, tính đủ số ngày trả chậm theo quy định tại Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 cho gia đình ông N, ông N1 để thực hiện dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V.

Ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu H, tổ 6 khu B phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ kiện hủy Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án: Khu nhà ở cao cấp V, phường D, thành phố V (Đợt 12- Tính lãi suất trả chậm) và Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Đề nghị tòa án nhân dân Tỉnh giải quyết theo quy định.

[4] Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh với lý do:

I. Về nội dung khởi kiện của ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1 đề ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ buộc Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ hủy bỏ:

- Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V (đợt 12- Tính lãi xuất trả chậm).

- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

- Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

II. Nội dung khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2021 của ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1 bổ sung nội dung khởi kiện.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư.

- Hủy Quyết định số 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N1, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư.

III. Giải trình những nội dung ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 30 tháng 6 năm 2021.

1. Về nội dung khiếu nại.

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, xác định lại số ngày chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ, tính từ sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất (từ ngày 26/6/2012) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án khu nhà ở cao cấp V theo Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch UBND thành phố V đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 (lần đầu), nhưng công dân không đồng ý và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố V.

Khiếu nại của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D đã được Chủ tịch UBND thành phố V thụ lý, giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung:

- Không chấp nhận nội dung khiếu nại của các ông (bà): Đỗ Tất S, tổ 4, khu H; Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D (đồng 3 thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D) về việc không đồng ý với cách xác định số ngày chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V.

- Không chấp nhận đề nghị xem xét, xác định lại số ngày chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ tính từ sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện dự án.

3. Kết quả kiểm tra xác minh và nhận xét, kết luận.

Để thực hiện Dự án Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, UBND thành phố V có Thông báo số 395/TB-UBND ngày 15/6/2012 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 26/6/2012, UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất đến các hộ có đất trong phạm vi dự án.

Căn cứ kết quả kiểm kê, UBND thành phố V đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án BT,HT,TĐC: Từ ngày 30/12/2014 đến ngày 18/4/2018 đã phê duyệt phương án BT,HT,TĐC tại các Quyết định số 13789/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, số 13790/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, số 11401/QĐ-UBND ngày 31/12/2015, số 8956/QĐ-UBND ngày 11/11/2016, số 9700/QĐ-UBND ngày 09/10/2017, số 922/QĐ-UBND ngày 18/4/2018. Các hộ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án phê duyệt.

Sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, có 91 hộ dân ủy quyền cho ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D có đơn đề nghị UBND thành phố V tính bổ sung khoản chậm trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai 2013. Sau khi kiểm tra, rà soát. UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường (đợt 12- tính lãi xuất chậm trả) cho 66 hộ

đủ điều kiện, với số tiền 269.844.617 đồng. Ông Sinh, bà Đậu là người được ủy quyền đã nhận đủ số tiền trên.

Sau đó, ông Sinh, bà Đậu tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 1493/QĐ-UBND nêu trên, các hộ không đồng ý về cách tính số ngày chậm trả (tính sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ), mà cho rằng: Số ngày chậm trả phải tính sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất. Chủ tịch UBND thành phố V đã thụ lý, giải quyết tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 (lần đầu).

Xem xét hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ cho thấy: UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất ngày 26/6/2012 (thời điểm Luật Đất đai 2003 có hiệu lực thi hành), nhưng chưa duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (thời điểm Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành).

Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014: *“Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”*. UBND thành phố V đã thực hiện lập, ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Luật Đất đai 2013.

Nội dung Người khiếu nại đề nghị xác định số ngày chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ tính từ sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013: Quy định này chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 (*quyết định thu hồi đất cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*); Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành không đề cập đến việc tính toán tiền chậm trả cho người có đất bị thu hồi đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất trước ngày 01/7/2014 nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014. Trong khi đó, Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định cụ thể mốc tính thời gian phải thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường chậm theo Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: *“..a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi*

thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm chi trả tiền bồi thường...”.

Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ (từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2018) được tính toán, phê duyệt theo đơn giá tại thời điểm phê duyệt (cao hơn giá đất năm 2012). Vì vậy, quyền lợi của các hộ đã được đảm bảo về chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất bị thu hồi theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là đúng quy định. Việc ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D) đề nghị xác định lại số ngày tính chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân tính từ sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ dân để được bồi thường chậm theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 93 Luật Đất đai 2013 là không có cơ sở.

- Thống nhất với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố V tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 06/5/2020.

- Tại buổi đối thoại ngày 16/11/2020, cơ quan chức năng đã thông báo cho ông Nguyễn Thành T (người được ông Đỗ Tất S và bà Lương Thị D ủy quyền) về kết quả xác minh và biện pháp giải quyết khiếu nại; giải thích về các quy định, căn cứ giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, Ông T không đồng ý.

Từ kết quả xác minh và kết luận trên, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Tất S và bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D) (lần 2), nội dung:

Điều 1: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Tất S và bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D)

Điều 2: Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh: Ông Đỗ Tất S và bà Lương Thị D có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

IV. Giải trình những nội dung ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết: Hủy Quyết định số 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư; Hủy Quyết định số 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của

hộ ông Đỗ Tất N1, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư.

Nội dung khởi kiện của ông Đỗ Tất N và ông Đỗ Tất N1, yêu cầu Tòa án hủy bỏ 02 quyết định cá biệt nêu trên không có trong nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố V tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D). Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không xem xét, giải quyết.

V. Quan điểm giải quyết:

- Giữ nguyên Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đỗ Tất S và bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D) lần 2.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành T đại diện theo ủy quyền của ông N, ông N1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nội dung lời trình bày của Ông T chi tiết tại biên bản phiên tòa. Tại phiên tòa Ông T cho rằng yêu cầu xác minh thêm chứng cứ mà Kiểm sát viên yêu cầu là không cần thiết bởi, vấn đề ở đây là ông N, ông N1 cho rằng việc tính lãi chậm trả sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1943/QĐ-UBND là không đúng mà phải tính sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi mới đúng; ông N, ông N1 không tranh chấp về việc áp giá đất năm 2012 hay năm 2014, việc áp giá đất là đúng rồi nên không phải thu thập thêm bảng giá đất năm 2012 hay năm 2014 làm gì; không cần phải thu thập thêm quyết định 13790 hay (1379) và 1146 làm gì bởi không liên quan, hồ sơ đã có bảng tổng hợp phương án bồi thường cho 66/99 hộ dân kèm theo Quyết định 1943 rồi; Tập Đoàn V không liên quan gì trong vụ án này. Vụ án này chỉ yêu cầu hủy các quyết định của UBND thành phố V và tỉnh Phú Thọ, trường hợp nếu sau này UBND thành phố V thu hồi lại các quyết định thu hồi đất, hoặc tính lại thời gian chậm chi trả tiền lãi chậm trả sau 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực, lúc đó mới động chạm đến quyền lợi của Tập đoàn V, nên yêu cầu đưa tập đoàn này vào vụ án là không cần thiết chỉ thêm rắc rối vụ kiện.

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố, UBND thành phố V; nội dung bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị: Bác yêu cầu khởi kiện của ông N, ông N1 yêu cầu hủy Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V; Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày

07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất của ông N, ông N1 vì hết thời hiệu khởi kiện. Miễn án phí cho ông N vì là người cao tuổi; buộc ông N1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật (chi tiết tại bài phát biểu lưu hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

* Đương sự của vụ kiện:

- Người khởi kiện: Ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1; địa chỉ: Khu H, phường D, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ; Chủ tịch UBND thành phố V; UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

* Đối tượng khởi kiện:

- Hủy Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

- Hủy Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

- Hủy Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V (đợt 12- Tính lãi xuất trả chậm).

- Hủy Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư.

- Hủy Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N1, phường D để giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn V thực hiện đầu tư.

* Quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Các Quyết định số: 1220/QĐ-UBND, Quyết định số: 1272/QĐ-UBND và Quyết định số :1943/QĐ-UBND, Quyết định số 4776/QĐ-UBND, Quyết định số 4770/QĐ-UBND đều là các quyết định hành chính có tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Tất N, Đỗ Tất N1 nên ông N, ông N1 có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật Tố tụng hành chính. Các Quyết định nêu trên là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 30 và đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết đã đúng pháp luật.

* Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V ; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ còn thời hiệu khởi kiện, Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V có liên quan trực tiếp đến hai quyết định 1220 và 1272 được xem xét theo quy định của pháp luật. Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 hết thời hiệu khởi kiện.

* Về ủy quyền: Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 23/11/2018, 91 người dân thuộc phường D, TP. Việt Trì (trong đó có hộ ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1) ủy quyền cho ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D đại diện để khiếu nại, khởi kiện đến cơ quan nhà nước về việc xem xét lại hồ sơ về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thuộc Dự án Nhà ở cao cấp V (BL từ 02 đến 33), việc ủy quyền này là hợp lệ. Ngày 22/6/2020 ông Đỗ Tất S, ngày 24/7/2020 bà Lương Thị D lập hợp đồng ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thành T tiếp tục khiếu nại, khiếu kiện, việc ủy quyền lại này không đúng quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính, nên ông Nguyễn Thành T không là đại diện theo ủy quyền của 93 hộ dân. Ngày 08/7/2021, ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 lập hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T thay mặt ông N, ông N1 liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được giải quyết đầy đủ các phương án bồi thường, khởi kiện tại Tòa án; việc ủy quyền là hợp lệ theo quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính. Ông Nguyễn Thành T được xác định là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Tất N, Đỗ Tất N1 trong vụ án.

* Về sự vắng mặt của người bị khởi kiện: Người đại diện của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện của Chủ tịch UBND thành phố V, UBND thành phố V xin xét xử vắng mặt tại bản tự khai nhưng không có đơn xin xét xử vắng mặt, phiên tòa được mở lần thứ hai vẫn

vắng mặt. Việc Tòa án xét xử vắng mặt đại diện của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ và Chủ tịch UBND thành phố V là không vi phạm tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V; Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V ; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; Luật Đất đai, Luật Khiếu nại và các Luật khác có liên quan nên hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012; Quyết định số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 thu hồi đất của ông Đỗ Tất N, Đỗ Tất N1. Xét thấy:

Dự án Khu nhà ở cao cấp V có quyết định thu hồi đất từ năm 2012 theo Luật Đất đai năm 2003, nhưng đến ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực (01/7/2014) vẫn chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ đối với người có đất thu hồi. Kể từ ngày 30/12/2014, UBND thành phố V bắt đầu phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và tại Điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Dự án Khu nhà ở cao cấp V được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và lựa chọn chủ đầu tư căn cứ theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003, Luật Nhà ở năm 2005, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan đến đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành các luật này. Việc sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở cao cấp V phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011- 2020) của tỉnh Phú Thọ đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số: 40/NQ-CP ngày 28/3/2013; thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua tại Nghị quyết số: 08/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án tại Công văn số: 1484/TTg-KTN ngày 23/9/2013. Tính hợp pháp của Dự án Khu nhà ở cao cấp V cũng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận tại Văn bản số: 4043/BTNMT-TCQĐĐ ngày 28/9/2015.

Như vậy, Dự án Khu nhà ở cao cấp V có quá trình triển khai từ trước ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết

1/500, lựa chọn chủ đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật. Dự án thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, điểm a Khoản 1 Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư năm 2014; Khoản 2 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu năm 2013, nên việc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 (và các hộ dân khác) vào năm 2012 và tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vào năm 2014 theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là đúng pháp luật. Mặt khác, các Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND và số: 4770/QĐ-UBND đã được ban hành và từ ngày 26/6/2012 đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Nên yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất nêu trên là không được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu hủy các Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V; Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V ; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Lý do hủy là vì việc tính mốc thời gian chậm chi trả khoản tiền thanh toán thêm sau 30 ngày kể từ ngày Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số: 1943/QĐ-UBND là không đúng mà phải sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất mới đúng quy định tại Điều 93 Luật Đất đai và điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 thì sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành mà không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền (tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ) theo Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Tức là khoản tiền này phải được tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ chậm chi trả và thời gian chậm chi trả.

Đối với các Dự án đầu tư thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2013, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 thì UBND cấp có thẩm quyền phải ban hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày, nên tính được số tiền bồi thường, hỗ trợ ngay từ khi có Quyết định thu hồi đất để làm cơ sở tính khoản tiền thanh toán thêm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 của Luật Đất đai nếu chậm chi trả.

Đối với các dự án đầu tư thu hồi đất theo Luật đất đai năm 2003 thì do Luật Đất đai năm 2003 không có quy định UBND cấp có thẩm quyền phải ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày. Tức là phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có thể ban hành sau khi có Quyết định thu hồi đất. Dự án Khu nhà ở cao cấp V thuộc trường hợp này, nên không thể tính được số tiền bồi thường, hỗ trợ từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2014 do chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ để làm cơ sở tính ***khoản tiền thanh toán thêm***.

Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì không có quy định cụ thể thời điểm phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi sau khi có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; không có quy định về khoản tiền thanh toán thêm nếu chậm chi trả mà chỉ quy định về nguyên tắc thực hiện bồi thường chậm tại điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đó là: “ *a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi*”.

Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng không đề cập đến việc tính khoản tiền thanh toán thêm cho người có đất thu hồi đối với các dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất trước ngày 01/7/2014 theo Luật Đất đai năm 2003 nhưng chưa có phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014, mà chỉ có quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đó là: “ *a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013*”. Tức là, các Dự án đầu tư thuộc trường hợp này thì được tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường theo Luật Đất đai năm 2013, chứ không phải quy định là các Dự án đầu tư thuộc trường hợp này được thanh toán thêm một khoản tiền theo Luật Đất đai năm 2013 nếu chậm chi trả.

Do đó, đối với Dự án Khu nhà ở cao cấp V không buộc phải tính thời gian chậm chi trả tiền bồi thường sau 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành năm 2012 và cũng không có cơ sở để tính. Hơn nữa, nếu áp dụng Luật Đất đai năm 2013 đối với dự án Khu nhà ở cao cấp V thì giá bồi

thường, hỗ trợ chỉ được tính theo giá đất năm 2012 là 29.800đ/m². Cho nên, UBND thành phố V đã căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 tính giá bồi thường theo giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường năm 2014 với giá là 37.400đ/m². Việc tính như vậy là đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và việc tính lãi suất chậm chi trả sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là có cơ sở, quyền lợi của người có đất thu hồi đã được lợi hơn so với việc tính bồi thường theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 1943/QĐ-UBND tính thời gian chậm chi trả tiền chỉ cho 66/93 hộ dân là căn cứ vào thời điểm Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng trường hợp cụ thể. Cho nên Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V; Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V trả lời khiếu nại; Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ trả lời khiếu nại lần 2 là đúng. Vì vậy, yêu cầu hủy các quyết định nêu trên không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định tại mục [2.1], [2.2], [2.3] nêu trên cho thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1.

Đề nghị của Kiểm sát viên đối với các yêu cầu khởi kiện của ông N, ông N1 phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với ông Đỗ Tất N sinh năm 1958 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông N. Ông Đỗ Tất N1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[4] Đối với yêu cầu xác minh của Kiểm sát viên. Xét thấy: Các quyết định mà người khởi kiện yêu cầu hủy là Quyết định của UBND, chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, việc chi trả tiền bồi thường không trong phạm vi khởi kiện nên không cần thiết phải đưa Tập đoàn V vào tham gia tố tụng. Đương sự không khiếu kiện về việc áp khung giá đất, hồ sơ đã có danh sách bồi thường nên các yêu cầu của Kiểm sát viên là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 77, Điều 83 của Luật đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; khoản 1, 2 Điều

3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 193, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 12, Điều 14; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 về việc:

Hủy Quyết định số: 1943/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất Dự án: Khu nhà ở cao cấp V tại phường D, thành phố V (đợt 12-Tính lãi xuất trả chậm).

Hủy Quyết định số: 1220/QĐ-UBND ngày 07/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

Hủy Quyết định số: 1272/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Đỗ Tất S, bà Lương Thị D, tổ 6, khu B, phường D, thành phố V (đồng thời nhận ủy quyền của 91 hộ dân phường D).

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tất N, ông Đỗ Tất N1 về việc:

Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4776/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi 678m² đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N.

Hủy Quyết định thu hồi đất số: 4770/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi 251m² đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Tất N1.

[3] Về án phí: Buộc ông Đỗ Tất N1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000011 ngày 12/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông Đỗ Tất N.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Tiến